

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 31/2026/HS-PT
Ngày: 12- 3- 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành; Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà
Bùi Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2026/TLPT-HS ngày 30 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo Cao Văn P do có kháng cáo của bị cáo và bị hại Nguyễn Thái S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2025/HS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

Cao Văn P, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1961 tại tỉnh Vĩnh Long; số định danh cá nhân: 086061008465; nơi cư trú: Tổ B, ấp H, xã M, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn T (đã chết) và bà Trương Thị B (đã chết); vợ: Nguyễn Thị H (đã ly hôn); có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm: 1987; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 09/9/2025 cho đến nay, có mặt;

Bị hại: Nguyễn Thái S, sinh năm: 1965; nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Văn P và bà Trương Thị P1 có mâu thuẫn trong việc tranh chấp đất đai, chia thừa kế nên vào tối ngày 11/4/2025, P đến nhà của bà P1 ném vé số cũ vào trước nhà bà P1 và chửi chông của bà P1 là ông Nguyễn Thái S là “Đồ trôi sông lạc

chợ về đây giành đất”. Sáng ngày 12/4/2025 bà P1 kể lại sự việc nêu trên cho ông S nghe, đến chiều cùng ngày ông S nhớ lại chuyện bị P chửi nên tức giận cầm 01 con dao đi ra vườn phía sau nhà và nói “Thằng nào bản lĩnh đàn ông thì đi đến nhà nói chuyện, còn lần nữa ném đồ vô nhà tao thì tao chém gãy cổ ráng mà chịu” nhằm mục đích cho P nghe để không ném đồ vô nhà ông S nữa.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 13/4/2025, sau khi đi uống rượu bia về ông Nguyễn Thái S cầm 01 con dao đi ra vườn sau nhà để chặt cây thì em ruột của P là ông Cao Văn M nhìn thấy và cho rằng ông S cầm dao đe dọa chém ông M và P nên ông M đến nhà của bà Huỳnh Thị Kim C (tên thường gọi là Hai T1) là Trưởng Ban N1, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long để trình báo sự việc. Trên đường đến nhà bà C thì ông M thấy P đang nằm võng tại phần đất của bà C (đối diện chòi của P) nên ông M nói với P là ông S đòi chém ông M và P nên ông M đi trình báo với bà C nhưng không gặp bà C. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, ông S đang ở nhà thì nghe ông M nói lớn tiếng: “Ông bà Hai T1 ơi, tôi quay được thằng S cầm dao đi lòng vòng kiếm anh em tôi chém nè”, ông S nghe vậy chạy ra đường mòn cách chòi của P khoảng 3 mét, gặp và hỏi ông M “Tao đòi chém ông bầy Phời hồi nào mà mày la om sòm vậy”, rồi ông S và ông M cự cãi với nhau. Lúc này, P ở trong chòi nghe được nên đi ra đứng ở trước cửa chòi và hỏi ông S: “Mày đòi chém tao hả, tao chém chết mẹ mày”, ông S trả lời: “Tôi đòi chém ông hồi nào, ông có ngon chém đi”. Ngay lúc này, P đi vô chòi lấy 01 con dao có chiều dài 70cm, cán bằng gỗ hình trụ tròn đường kính 3,1cm, dài 29cm có khắc 09 khía vòng tròn, có vòng sắt nối tiếp lưỡi dao, lưỡi dao bằng kim loại màu xám đen dài 41cm, lưỡi sắc bén mũi bằng 7,5cm đã qua sử dụng (đây là con dao của ông Cao Ngọc N là chồng của bà C đưa cho P để làm vườn thuê cho ông N), ông S nghĩ Phời chỉ dọa nên ông S quay lưng lại để đi về nhà, khi ông S vừa xoay người đi thì P cầm con dao nêu trên bằng 02 tay chạy lại đưa lên cao chém xéo xuống trúng ông S 01 cái làm ông S bị thương, vết thương kéo dài từ vai trái dài xuống đến cánh tay trái của ông S. Ông S được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đ, còn P đem con dao nêu trên đến Công an xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long để đầu thú.

Ngày 29/4/2025, ông Nguyễn Thái S làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Cao Văn P về hành vi “Cố ý gây thương tích” cho ông S vào ngày 13/4/2025 tại ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Tại Kết luận giám định số: 110/KLTTCT-TTPY ngày 14/9/2025 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh V kết luận thương tích của ông Nguyễn Thái S cụ thể như sau:

Các kết quả chính: Vết thương mặt sau cánh tay trái kéo dài đến vai trái kích thước khoảng 10cm x 30cm bờ sắc đứt một phần cơ delta, cơ tam đầu, cơ cánh tay đứt thần kinh bì cẳng tay sau, đứt thần kinh quay 2 đoạn, rách màng xương, máu tụ;

vết thương ngón 1 chân phải kích thước 2cm x 3cm. Hiện tại sẹo mặt sau cánh tay - vai trái kích thước 32,5cm x 0,1cm, tổn thương vận động và cảm giác dây thần kinh quay bên trái; sẹo mờ ngón 1 bàn chân phải. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thái S tại thời điểm giám định là 31% (ba mươi một phần trăm).

Tại Công văn số 110/TTPY-GĐTH, ngày 16/9/2025 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh V về việc xác định tỷ lệ tổn thương của từng vết thương và hung khí gây ra vết thương, xác định như sau: Vết thương mặt sau cánh tay trái kéo dài đến vai trái tỷ lệ thương tích 31%, do vật sắc gây ra; Vết thương ngón 1 chân phải tỷ lệ thương tích 00%.

Tại Kết luận giám định số: 2653/KL-KTHS, ngày 26/6/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc V Bộ C1 kết luận đối với 01 con dao có tổng chiều dài 70cm, cán bằng gỗ hình trụ tròn đường kính 3,1cm, dài 29cm có khắc 09 khía vòng tròn, có vòng sắt nối tiếp lưỡi dao, lưỡi dao bằng kim loại màu xám đen dài 41cm, lưỡi sắc bén mũi bằng 7,5cm như sau: Mẫu vật gửi giám định trên là dao sắc, thuộc Phụ lục 5 Danh mục dao có tính sát thương cao (ban hành theo Thông tư số: 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Trưởng Bộ C1).

Vật chứng thu giữ: 01 con dao có chiều dài 70cm, cán bằng gỗ hình trụ tròn đường kính 3,1cm, dài 29cm có khắc 09 khía vòng tròn, có vòng sắt nối tiếp lưỡi dao, lưỡi dao bằng kim loại màu xám đen dài 41cm, lưỡi sắc bén mũi bằng 7,5cm.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Nguyễn Thái S yêu cầu Cao Văn P bồi thường thiệt hại tổng số tiền 327.932.000 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng), bao gồm: Chi phí điều trị thương tích số tiền 29.332.000 đồng, tiền công lao động trong thời gian điều trị thương tích số tiền 144.000.000 đồng, chi phí tái khám sau này số tiền 20.000.000 đồng, chi phí vật lý trị liệu sau này số tiền 17.600.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm số tiền 117.000.000 đồng. Cao Văn P không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông Nguyễn Thái S, chỉ đồng ý bồi thường theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp. Cao Văn P đã bồi thường cho ông Nguyễn Thái S số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), ông Nguyễn Thái S yêu cầu Cao Văn P tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 323.932.000 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2025/HS-ST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3- Vĩnh Long đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Cao Văn P phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Cao

Văn P 05 (năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Cao Văn P 01 (một) năm tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (sáu) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Buộc bị cáo Cao Văn P bồi thường cho bị hại Nguyễn Thái S số tiền 73.602.000 đồng (Bảy mươi ba triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/01/2026, bị cáo Cao Văn P kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14/01/2026, bị hại Nguyễn Thái S kháng cáo yêu cầu xét xử bị cáo về tội “Giết người”, tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và tăng số tiền bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Cao Văn P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm.

Bị hại Nguyễn Thái S rút lại yêu cầu kháng cáo về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; giữ nguyên kháng cáo về trách nhiệm dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: đình chỉ một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Thái S về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Văn P; chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thái S về trách nhiệm dân sự. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Cao Văn P 05 (năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Cao Văn P 01 (một) năm tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (sáu) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2025. Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, buộc bị cáo Cao Văn P bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 235.542.000 đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo và của bị hại gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Nguyễn Thái S rút một phần kháng cáo về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Thái S.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Cao Văn P khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định: Do có mâu thuẫn trong việc tranh chấp đất đai nên vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 13/4/2025, tại ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp M, xã M, tỉnh Vĩnh Long), bị cáo Cao Văn P đã có hành vi sử dụng dao cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại có 01 bề sắc qua giám định thuộc Phụ lục 5 “Danh mục dao có tính sát thương cao” chém ông Nguyễn Thái S 01 cái gây thương tích, vết thương kéo dài từ vai trái đến cánh tay trái của ông S, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 31%. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Cao Văn P phạm tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng *“Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”* theo quy định tại điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Cao Văn P yêu cầu giảm nhẹ hình phạt thấy rằng: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 để xử phạt bị cáo 05 (năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình

phạt chung cho cả hai tội là 06 (sáu) năm tù là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là mức thấp nhất của khung hình phạt là đã có xem xét khi quyết định hình phạt. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và bị hại đã thỏa thuận với nhau về phân trách nhiệm dân sự. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại chi phí điều trị số tiền 27.082.000 đồng, thu nhập thực tế bị mất của người nuôi bệnh, tiền xe đi lại số tiền 2.250.000 đồng và bù đắp tổn thất về mặt tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm với số tiền 36.270.000 đồng theo nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên. Ngoài ra, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại chi phí điều trị, tiền thuốc phát sinh số tiền 28.080.000 đồng; chi phí tập vật lý trị liệu, chăm cứu số tiền 1.860.000 đồng và thu nhập thực tế bị mất của bị hại trong 12 tháng x 12.000.000 đồng/tháng = 144.000.000 đồng. Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, sửa một phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền 239.542.000 đồng nhưng được trừ số tiền 4.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường. Số tiền còn lại bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho bị hại là 235.542.000 đồng

[5] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị xử phạt bị cáo 05 (năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 235.542.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tổ tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Thái S về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Cao Văn P.

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Văn P; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Thái S; sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự.

1. Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Cao Văn P 05 (năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Cao Văn P 01 (một) năm tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Cao Văn P chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 09/9/2025.

2. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Cao Văn P bồi thường tiếp cho bị hại Nguyễn Thái S số tiền 235.542.000 đồng (hai trăm ba mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Cao Văn P được miễn.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long(1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Tòa án nhân dân khu vực 3- Vĩnh Long(3b);
- VKSND khu vực 3- Vĩnh Long (1b);
- Phòng THADS khu vực 3- Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Mỹ Thuận, tỉnh Vĩnh Long(1b);
- Phân trại tạm giam Bình Minh(1b);
- Bị cáo (1b);
- Bị hại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Vĩnh Long (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn